CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng Dân dụng Hà Nội

Ngày 30/06/2025	22,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	51.4%	**94.8%**	**36.6%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,000 - 25,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	605
Số lượng CPLH (CP)	27,026,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.48
EPS	679
P/E	33.0

DT thuần
Q2/25
17.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -0.6%
YoY: ▼19.5| -52.7%

LN thuần
Q2/25
1.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -5.8%
YoY: ▼3.81| -68.6%

LN sau thuế
Q2/25
1.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.78| -30.5%
YoY: ▼1.77| -49.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
14.6%
YoY: +/-▼ 3.5%

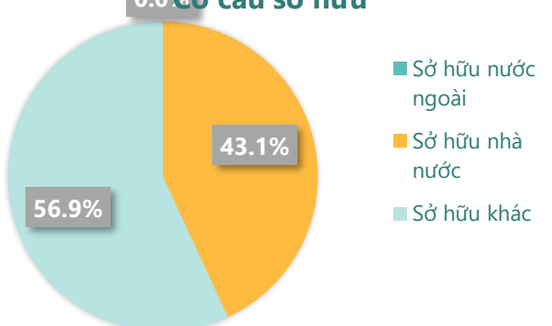
ROE (TTM)
Q2/25
3.4%
YoY: +/-▼ 0.2%

DT thuần
6T 2025
35.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼46.4| -56.9%

LN thuần
6T 2025
3.59
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.37| -63.9%

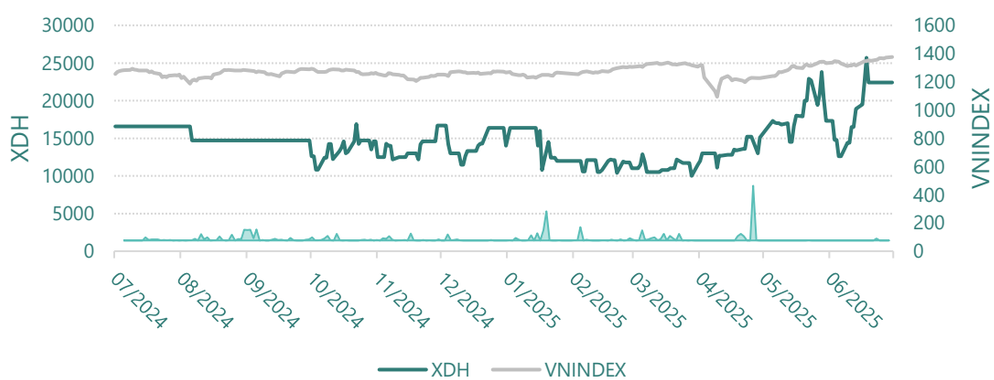
LN sau thuế
6T 2025
4.34
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.44| -36.0%

Cơ cấu sở hữu

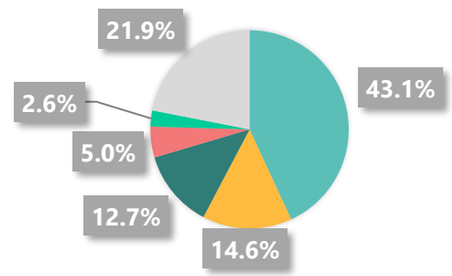


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

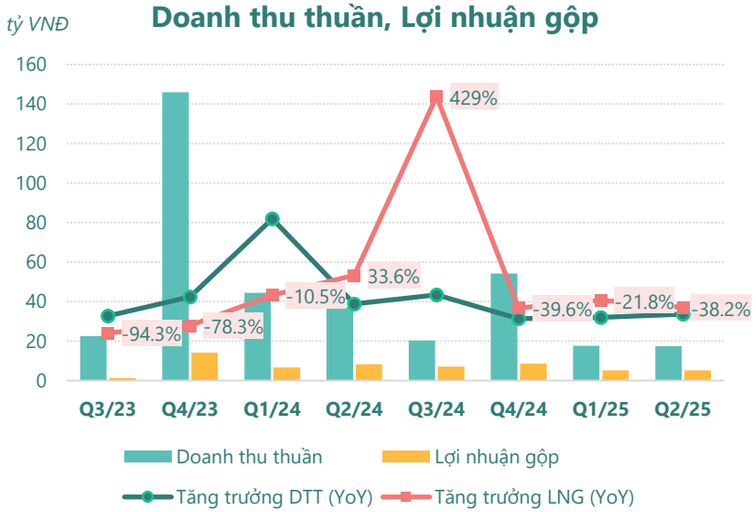


- Tổng Công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV
- Phương Kim Thảo (Thành viên HĐQT)
- Trần Hồng Tâm (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Hồng
- Đoàn Trịnh Linh (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

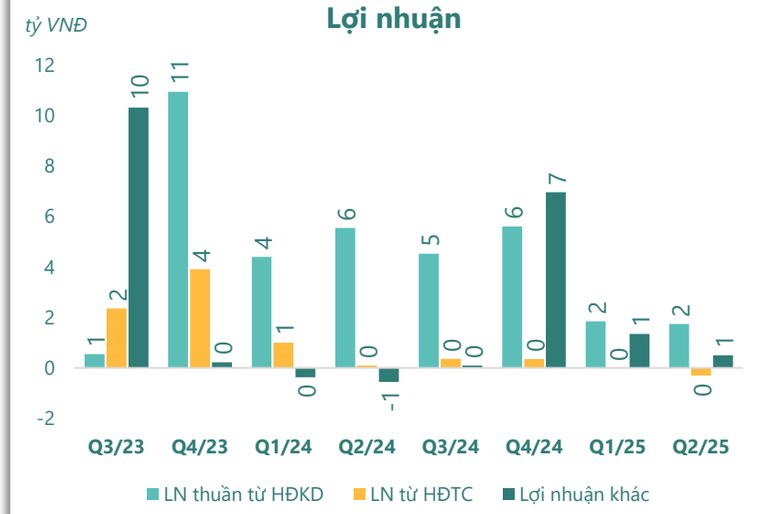
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



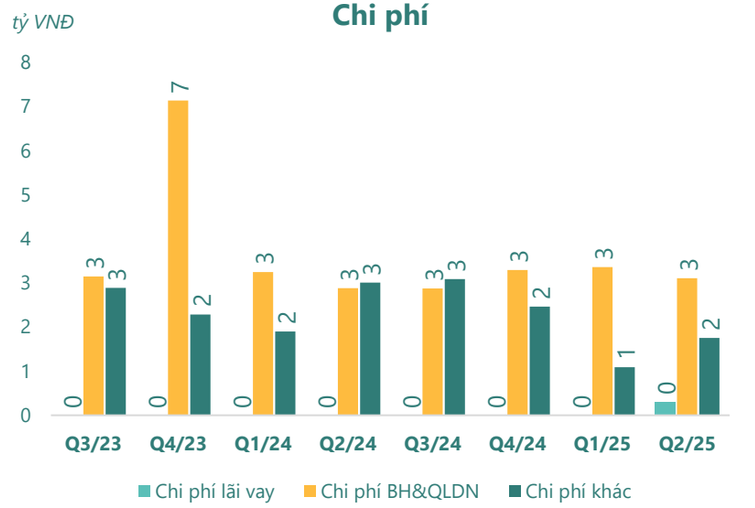
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



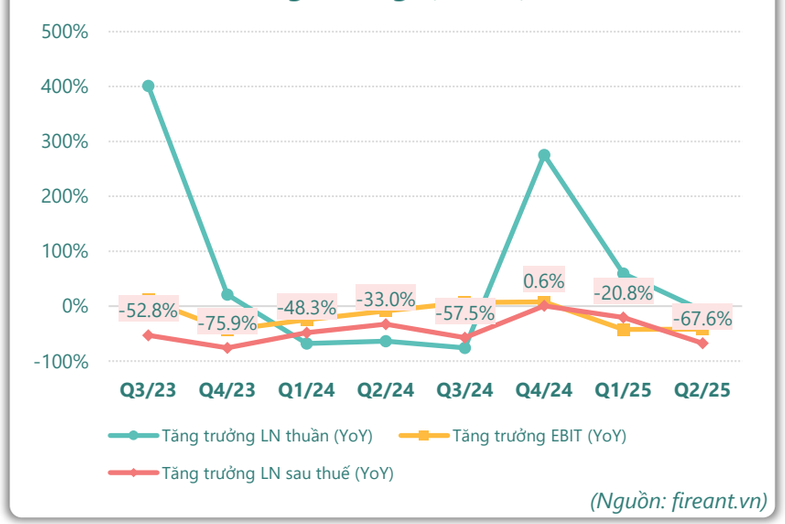
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



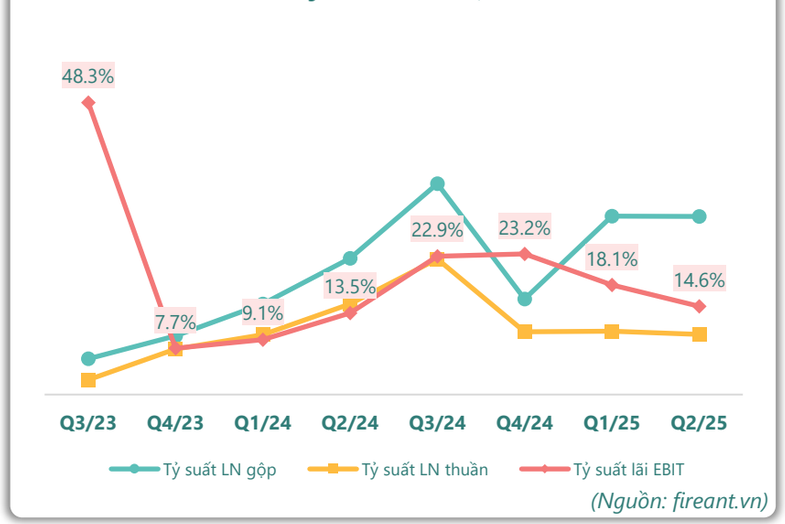
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



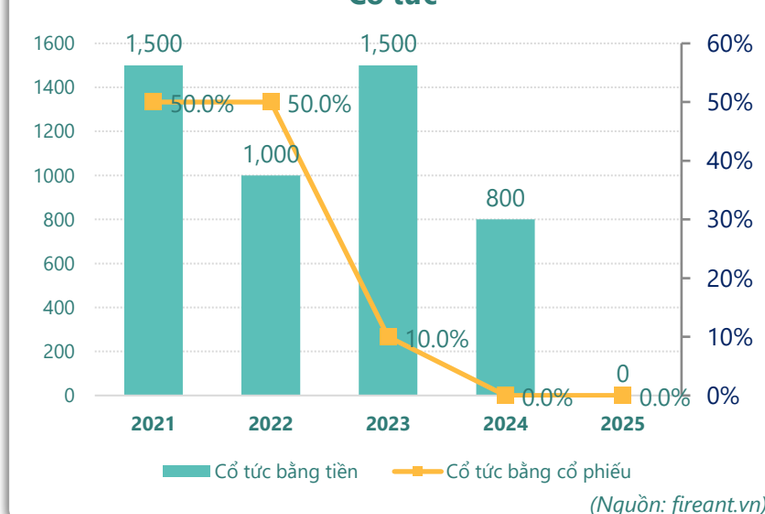
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

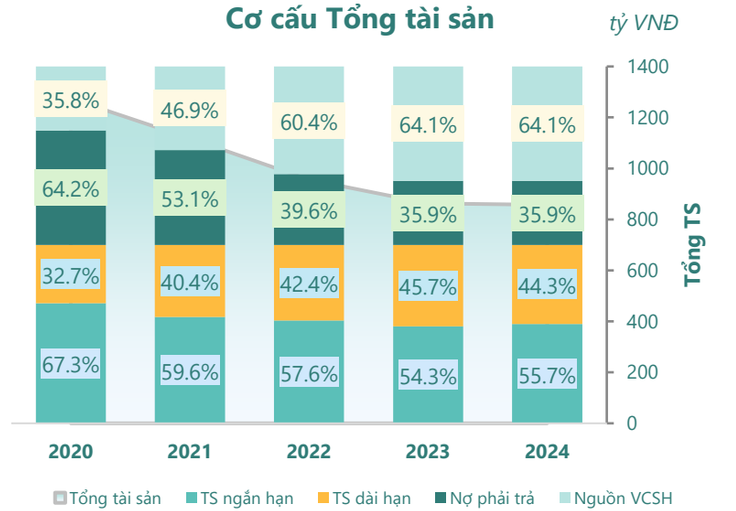
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

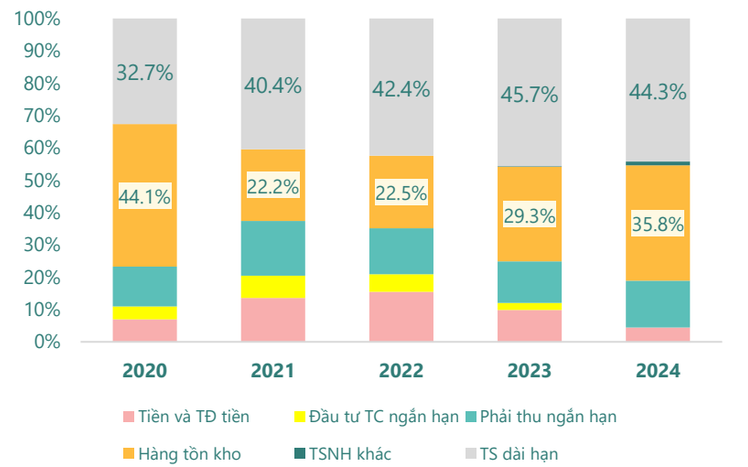
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



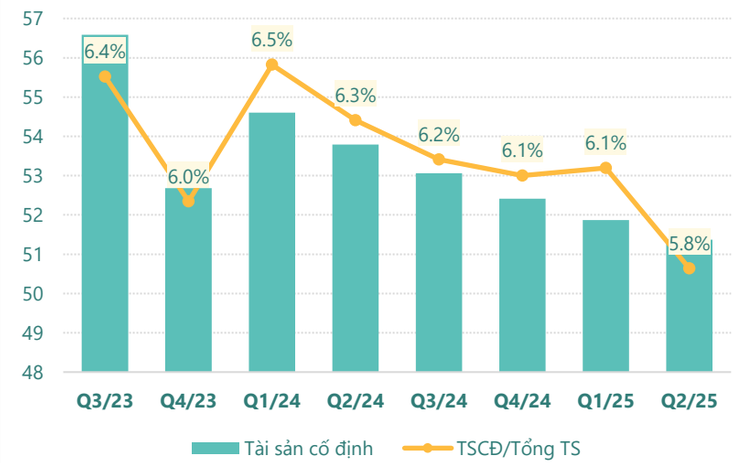
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



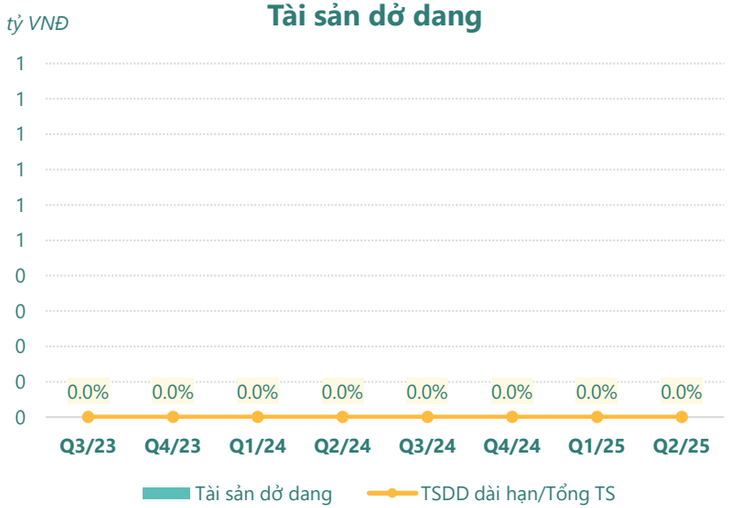
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



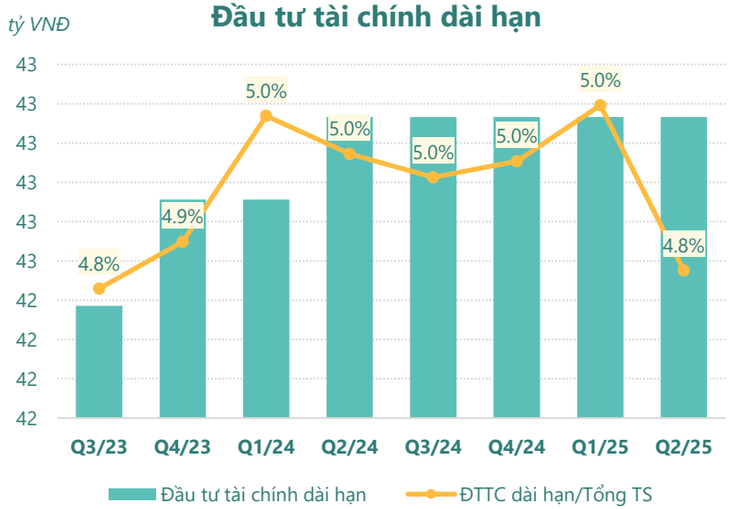
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



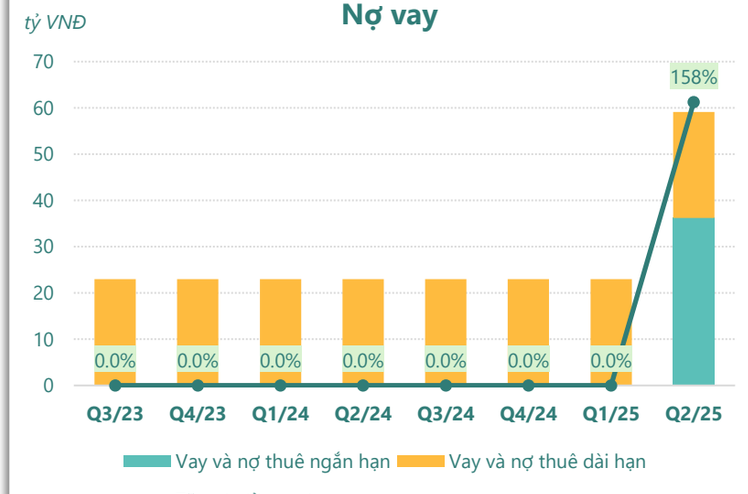
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

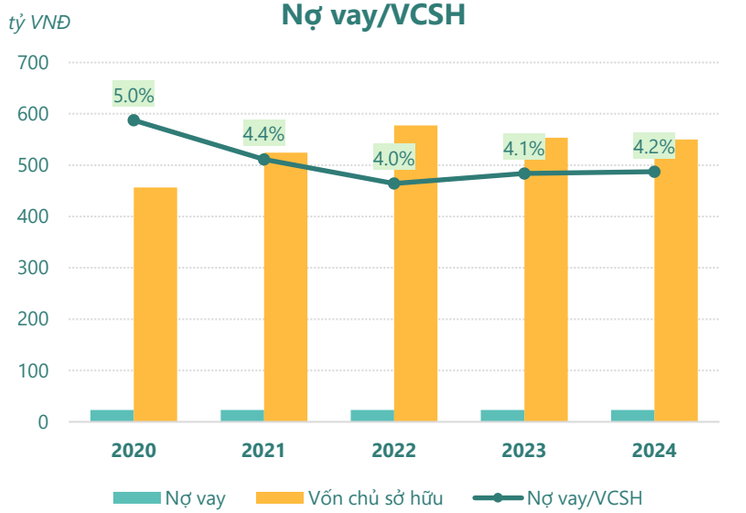
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

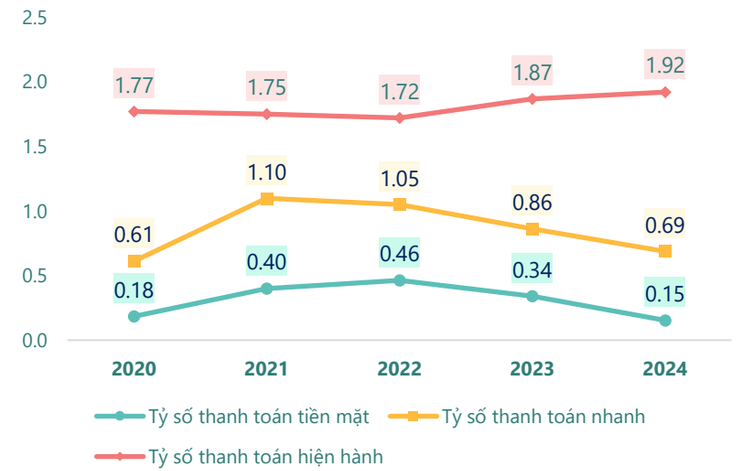
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



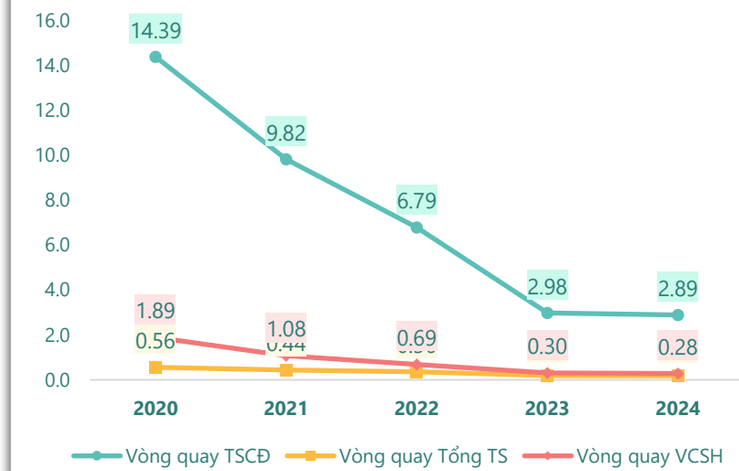
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



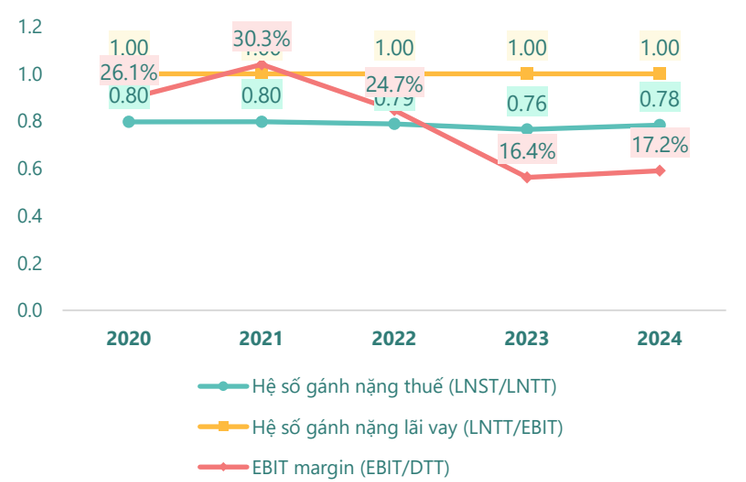
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



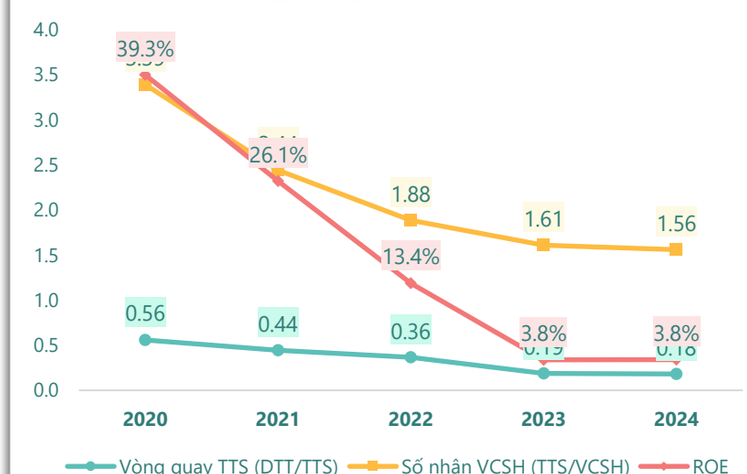
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



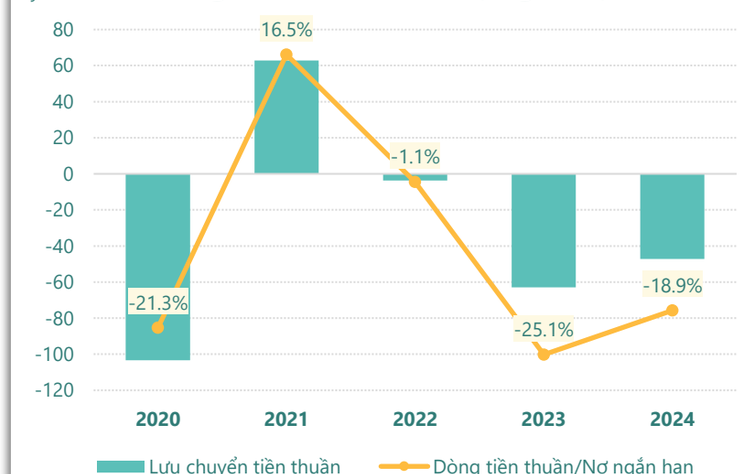
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**17.5**	**37.0**	**-52.7%**	**35.1**	**81.5**	**-56.9%**
Giá vốn hàng bán	12.3	28.7	-57.0%	24.8	66.5	-62.7%
Lợi nhuận gộp	5.15	8.34	-38.2%	10.4	15.0	-30.9%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.09	-96.2%	0.01	1.09	-99.3%
Chi phí TC	0.31	0.00		0.31	0	
Chi phí lãi vay	0.31	0.00		0.31	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.11**	**2.88**	**7.8%**	**6.46**	**6.13**	**5.4%**
LN thuần từ HĐKD	1.74	5.55	-68.6%	3.59	9.96	-63.9%
Lợi nhuận khác	**0.51**	**-0.56**	**190%**	**1.85**	**-0.93**	**300%**
LN trước thuế	2.25	4.99	-55.0%	5.45	9.03	-39.7%
Lợi nhuận sau thuế	**1.78**	**3.55**	**-49.9%**	**4.34**	**6.78**	**-36.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.78**	**3.55**	**-49.9%**	**4.34**	**6.78**	**-36.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-46.2	11.2	-6.43	-5.20	-31.8	-28.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	12.3	7.90	0.03	0.27	0.00	1.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-21.0	0	36.2
Tiền đầu kỳ	85.3	51.4	70.5	64.1	38.2	6.35
Lưu chuyển tiền thuần	**-33.9**	**19.1**	**-6.40**	**-25.9**	**-31.8**	**8.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	51.4	70.5	64.1	38.2	6.35	15.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**882**	**858**	**2.9%**
Tài sản ngắn hạn	510	478	6.7%
Tiền và tương đương tiền	15.2	38.2	-60.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	99.2	124	-19.8%
Hàng tồn kho	380	307	24.0%
Tài sản ngắn hạn khác	15.1	9.38	60.9%
Tài sản dài hạn	**373**	**380**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	41.5	41.5	0.0%
Tài sản cố định	51.4	52.4	-2.0%
Bất động sản đầu tư	236	242	-2.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	42.7	42.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.97**	**1.17**	**-17.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	349	307	13.6%
Nợ ngắn hạn	**290**	**249**	**16.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.2	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	43.9	56.7	-22.5%
Nợ dài hạn	58.9	58.8	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.0	23.0	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**533**	**550**	**-3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**533**	**550**	**-3.1%**
Vốn điều lệ	270	270	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)